

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index tăng gần 26 điểm trong ngày hôm nay và đóng cửa tại mốc 1,902.93 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 15/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Dầu khí dẫn đầu đà tăng, theo sau là ngành Tiện ích. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả ba sàn HSX, HNX và UPCOM. Thị trường đã trải qua sự giằng co ở cuối phiên khi vượt ngưỡng 1,900. Tâm lý thị trường cho thấy sự tích cực chung, VN-Index vẫn còn động lực chinh phục những đỉnh cao mới.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 13/01/2026, các chứng quyền biến động theo đà tăng của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+25.60** điểm, đóng cửa tại **1902.93** điểm. HNX-Index **+0.97** điểm, đóng cửa tại **252.85** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+7.08)**, **GAS (+3.67)**, **VHM (+3.41)**, **BID (+2.70)**, **VCB (+2.35)**.
- Kéo chỉ số giảm: **MBB (-1.08)**, **TCB (-0.96)**, **MCH (-0.64)**, **ACB (-0.64)**, **HPG (-0.40)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **40,065** tỷ đồng, tăng **1.60%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 42,344 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 38.9 điểm. Thị trường có **203** mã tăng, 39 mã tham chiếu, **131** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-482.66** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **GMD (-252.31 tỷ)**, **SHB (-184.75 tỷ)**, **VRE (-136.94 tỷ)**, **ACB (-134.27 tỷ)**, **STB (-104.91 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-47.03** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+2.25%**. Các mã diễn biến tích cực:
PVS (+10.00%)
BSR (+6.89%)
VIX (+6.78%)
- BSC50 **+1.80%**. Các mã diễn biến tích cực:
PLX (+6.96%)
GAS (+6.91%)
PVD (+6.87%)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	2.25%	1.80%	1.36%	0.43%
1 tuần	5.61%	3.78%	4.77%	1.62%
1 tháng	13.41%	6.84%	15.55%	11.90%
3 tháng	5.15%	-4.64%	8.25%	3.96%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,902.93	252.85	123.24
% 1D	1.36%	0.39%	0.55%
GTKL (tỷ VND)	40,065	2,454	1,085
%1D	1.60%	1.71%	-23.96%
GDNN (tỷ VND)	-482.66	-47.03	-59.84

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VCB	507.41	GMD	-252.31
VPB	201.09	SHB	-184.75
BID	164.67	VRE	-136.94
VIX	133.55	ACB	-134.27
BSR	71.87	STB	-104.91

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

		%D	%W
SPX	6,977	0.16%	1.09%
FTSE100	10,140	-0.01%	0.17%
Eurostoxx	6,031	0.23%	1.57%
Shanghai	4,139	-0.64%	1.35%
Nikkei	53,549	3.10%	3.35%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

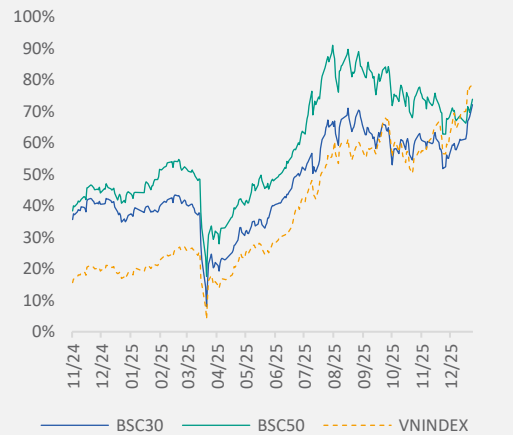
	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	64.31	0.04%
Giá vàng	4,593	-0.11%

Tỷ giá		
USD/VND	26,385	
EUR/VND	31,428	0.04%
JPY/VND	170	-0.58%

Lãi suất		
LS TPCP 10Y	4.2%	
LS LNH 1M	6.9%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

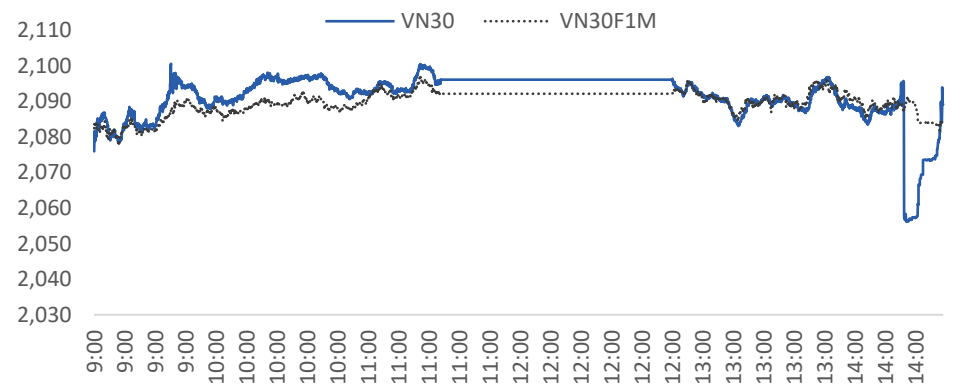
Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7

Mở tài khoản tại BSC

Trang | 1

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index vs VN30F1M Intraday



Nguồn: BSC tổng hợp

HĐTL	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
41I1G1000	2084.60	0.24%	255,449	-21.3%	15/01/2026	2
41I1G6000	2082.50	0.60%	14	7.7%	18/06/2026	156
41I1G1000	2084.60	0.24%	255,449	-21.3%	15/01/2026	2
41I1G3000	2085.00	1.05%	32	45.45%	19/03/2026	65

Nguồn: BSC

Nhận định

- VN30 +8.97 điểm, đóng cửa tại 2089.21 điểm. Biên độ dao động 24.64 điểm. Các cổ phiếu như VIC, VHM, VRE, GAS, VPB tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 duy trì sắc xanh từ khi mở cửa. Kết phiên, chỉ số đóng cửa tăng 0.43% so với phiên trước. Thanh khoản thị trường tiếp tục ghi nhận ở mức trên đường MA20. Chiến lược là long/short linh hoạt, ưu tiên canh long.
- Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ 41I1G1000, 41I1G1000.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CFPT2510	23/02/2026	41	18,700	36.58%	131.45	170	21.4%	0.00	135.08	98.90	98.90
CMSN2518	4/05/2026	111	10,700	21.81%	90.00	660	20.0%	0.29	96.60	79.30	79.30
CVNM2509	23/02/2026	41	166,400	7.23%	66.48	190	18.8%	0.12	67.88	63.30	63.30
CVRE2518	4/05/2026	111	23,700	6.23%	29.00	1,660	18.6%	1.45	35.64	33.55	33.55
CVPB2522	23/07/2026	191	100	8.10%	24.65	4,160	17.8%	3.52	32.97	30.50	30.50
CVNM2518	3/04/2026	80	606,800	8.90%	65.11	400	17.6%	0.23	68.94	63.30	63.30
CVIB2511	24/02/2026	42	1,900	16.12%	21.00	270	17.4%	0.08	21.54	18.55	18.55
CFPT2521	23/06/2026	161	233,200	29.81%	121.24	380	15.2%	0.09	128.38	98.90	98.90
CVNM2514	23/01/2026	10	71,200	0.88%	53.54	1,350	14.4%	1.29	63.86	63.30	63.30
CVNM2503	26/03/2026	72	290,300	6.95%	63.21	980	14.0%	0.64	67.70	63.30	63.30
CLPB2510	26/05/2026	133	1,100	37.92%	55.00	930	13.4%	0.26	57.79	41.90	41.90
CVJC2507	26/05/2026	133	105,000	9.18%	188.00	2,490	13.2%	1.83	212.90	195.00	195.00
CVRE2511	13/04/2026	90	196,200	3.13%	21.50	6,550	13.1%	6.16	34.60	33.55	33.55
CTPB2511	26/05/2026	133	36,700	15.25%	19.50	1,130	13.0%	0.97	20.63	17.90	17.90
CVRE2516	23/06/2026	161	225,400	6.65%	26.00	4,890	12.9%	4.30	35.78	33.55	33.55
CVRE2524	25/06/2026	163	380,700	19.85%	35.89	1,080	12.5%	0.68	40.21	33.55	33.55
CVHM2518	4/05/2026	111	20,100	1.28%	91.00	5,590	11.8%	5.56	135.72	134.00	134.00
CVNM2517	3/02/2026	21	638,900	3.89%	63.94	190	11.8%	0.12	65.76	63.30	63.30
CVRE2525	16/10/2026	276	350,500	58.21%	48.00	1,270	11.4%	0.28	53.08	33.55	33.55
CVRE2520	23/06/2026	161	6,800	14.72%	32.70	1,930	10.9%	1.37	38.49	33.55	33.55

Nguồn: BSC

- Chú thích:**

Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
- ***: Đơn vị 1,000 VND

Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
- Trong phiên giao dịch ngày 13/01/2026, các chứng quyền biến động theo đà tăng của cổ phiếu cơ sở.
 - CFPT2510 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 21.43%. CACB2511 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 6.66%.
 - CVHM2521, CDGC2501, CVRE2526, CVRE2525, CFPT2503 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVIC2511, CVHM2512, CVHM2511, CVIC2513, CVIC2514 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh
anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
VIC	167.90	2.57%	4.29
VHM	134.00	2.92%	3.55
VRE	33.55	2.91%	1.45
GAS	103.70	6.91%	1.42
VPB	30.50	0.99%	1.04

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
ACB	24.90	-2.35%	-1.84
MBB	27.55	-2.30%	-1.84
TCB	37.35	-1.71%	-1.79
HPG	27.25	-0.91%	-1.72
FPT	98.90	-0.60%	-1.40

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	167.90	2.57%	7.08	7.73
GAS	103.70	6.91%	3.67	2.41
VHM	134.00	2.92%	3.41	4.11
BID	51.00	3.55%	2.70	7.02
VCB	74.00	1.79%	2.35	8.36

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PVS	39.60	10.00%	1.15	0.51
IDC	39.50	1.28%	0.11	0.38
SHS	20.80	0.97%	0.10	0.90
PVC	13.40	9.84%	0.06	0.08
NTP	67.20	0.90%	0.06	0.17

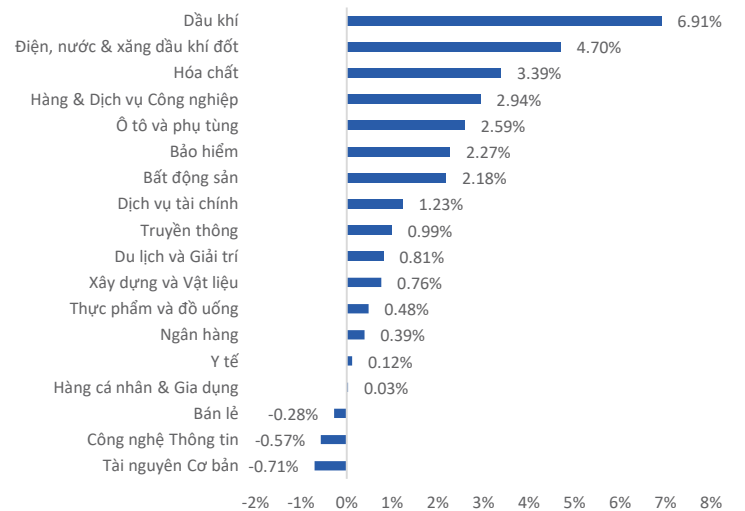
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PET	34.45	6.99%	0.06	2.75
CMV	9.50	6.98%	0.00	0.06
DAT	9.67	6.97%	0.01	0.08
PLX	45.35	6.96%	0.88	10.03
VPG	5.09	6.93%	0.01	0.60

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
ARM	27.80	9.88%	0.04	0.00
PCT	8.90	9.88%	0.19	0.01
PVC	13.40	9.84%	0.45	5.53
DST	12.40	9.73%	0.16	0.47
TTL	9.10	9.64%	0.16	0.04

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
MBB	27.55	-2.30%	-1.08	8.05
TCB	37.35	-1.71%	-0.96	7.09
MCH	169.90	-1.68%	-0.64	1.06
ACB	24.90	-2.35%	-0.64	5.14
HPG	27.25	-0.91%	-0.40	7.68

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	136.80	-9.40%	-1.46	0.20
KSF	66.00	-0.90%	-0.30	0.90
DTK	12.40	-4.62%	-0.22	0.68
MBS	28.00	-2.10%	-0.22	0.66
NVB	13.90	-0.71%	-0.11	1.92

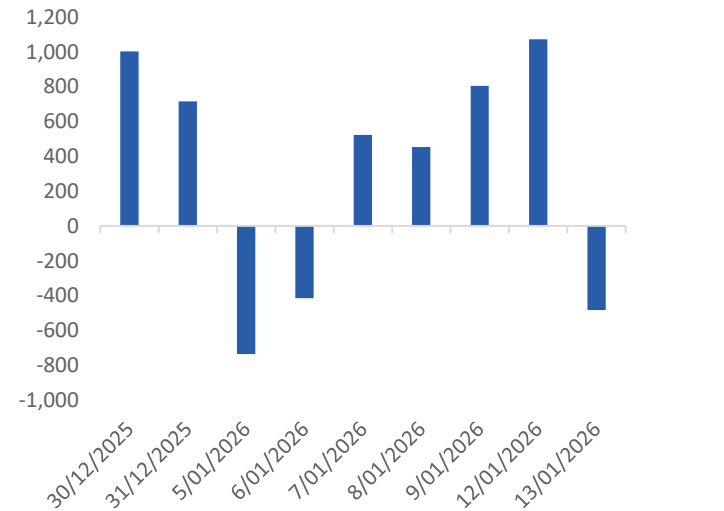
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
YBM	10.20	-6.42%	0.00	0.02
VCF	288.60	-5.69%	-0.10	0.00
SVI	37.00	-5.13%	-0.01	0.00
OPC	22.50	-4.66%	-0.01	0.00
TIX	41.70	-4.14%	-0.01	0.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
GDW	33.40	-9.97%	-0.13	0.00
ATS	21.80	-9.92%	-0.03	0.00
ALT	12.90	-9.79%	-0.03	0.00
KSV	136.80	-9.40%	-10.89	0.10
TJC	13.50	-9.40%	-0.05	0.00

Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	43.5	-0.57%	1.1	9,665	98.6	2,409	18.1	22.0%	17.1%	
FRT	Bán lẻ	144.6	-0.28%	1.0	24,694	67.2	3,620	40.1	32.3%	24.8%	
BVH	Bảo hiểm	67.9	2.88%	0.9	48,993	80.3	3,578	18.5	26.7%	11.3%	
DIG	Bất động sản	16.8	0.90%	1.2	13,221	290.2	517	32.1	3.1%	4.4%	
DXG	Bất động sản	16.2	0.62%	1.3	17,909	280.9	397	40.6	25.3%	3.2%	
HDC	Bất động sản	21.9	0.92%	1.2	4,335	93.0	2,445	8.9	3.0%	25.2%	
HDG	Bất động sản	27.0	0.56%	1.3	9,934	78.9	938	28.6	20.2%	5.5%	
IDC	Bất động sản	39.5	1.28%	1.2	14,800	113.7	4,849	8.0	11.6%	31.5%	
NLG	Bất động sản	31.0	3.17%	1.1	14,553	94.6	2,183	13.7	43.9%	8.8%	
SIP	Bất động sản	55.5	-0.18%	1.0	13,461	120.3	5,474	10.2	3.2%	28.2%	
SZC	Bất động sản	31.6	2.43%	1.2	5,553	37.0	1,763	17.5	2.7%	10.1%	
TCH	Bất động sản	16.5	0.92%	1.3	14,867	110.8	801	20.4	11.5%	5.7%	
VIC	Bất động sản	167.9	2.57%	0.9	1,261,477	1559.3	1,147	142.7	3.0%	6.2%	
VRE	Bất động sản	33.6	2.91%	1.6	74,078	356.9	2,144	15.2	14.0%	11.1%	
CMG	Công nghệ Thông tin	36.8	-0.41%	0.8	7,823	17.3	1,848	20.0	38.2%	13.2%	
PLX	Dầu khí	45.4	6.96%	0.9	53,873	440.2	2,090	20.3	14.7%	10.3%	
PVD	Dầu khí	30.4	6.87%	1.2	15,787	457.7	1,602	17.7	10.9%	5.5%	
FTS	Dịch vụ tài chính	34.0	-1.59%	1.0	11,972	78.0	1,262	27.4	25.1%	10.1%	
MBS	Dịch vụ tài chính	28.0	-2.10%	1.7	18,839	303.0	1,654	17.3	2.6%	13.9%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	103.7	6.91%	1.0	234,056	502.3	5,014	19.4	2.2%	18.9%	
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	14.6	3.18%	0.9	43,410	399.1	676	20.9	5.0%	5.8%	
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	62.1	0.98%	0.6	33,312	73.5	4,776	12.9	49.0%	13.2%	
VJC	Du lịch và Giải trí	195.0	0.00%	0.8	115,364	381.9	2,897	67.3	7.5%	7.8%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	43.0	6.17%	1.4	36,547	1088.8	2,313	17.5	9.0%	14.1%	
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	62.9	-0.16%	0.9	26,869	380.6	3,494	18.0	42.0%	11.2%	
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	58.3	2.28%	0.7	9,625	127.0	6,185	9.2	7.1%	31.0%	
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	21.1	6.85%	0.9	9,258	141.3	2,090	9.4	10.6%	12.2%	
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	115.0	0.44%	0.0	13,944	358.8	3,139	36.5	5.0%	23.0%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	102.9	-0.29%	0.8	35,207	95.1	6,910	14.9	49.0%	20.0%	
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	27.2	0.00%	0.8	3,042	63.8	2,535	10.7	48.5%	12.3%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	19.2	-1.03%	1.2	2,497	20.3	2,854	6.8	16.7%	18.7%	
DPM	Hóa chất	24.4	0.41%	1.0	16,522	193.3	1,212	20.1	4.0%	7.4%	
GVR	Hóa chất	34.0	5.59%	1.7	128,800	475.6	1,569	20.5	0.5%	11.3%	
EIB	Ngân hàng	23.5	6.82%	1.1	40,980	811.0	1,635	13.5	3.1%	11.8%	
LPB	Ngân hàng	41.9	-1.18%	0.8	126,661	99.1	3,469	12.2	0.9%	23.9%	
NAB	Ngân hàng	14.9	-1.32%	0.0	25,907	27.3	2,337	6.5	1.7%	19.3%	
OCB	Ngân hàng	12.3	0.41%	0.8	32,489	47.6	1,460	8.4	19.7%	12.0%	
NKG	Tài nguyên Cơ bản	15.5	-0.32%	1.2	6,960	85.6	571	27.3	5.3%	3.2%	
ANV	Thực phẩm và đồ uống	26.6	5.56%	1.1	6,710	50.6	2,829	8.9	3.9%	24.1%	
BAF	Thực phẩm và đồ uống	37.8	-0.66%	0.6	11,568	87.4	1,715	22.2	3.9%	12.8%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	50.2	6.81%	0.6	60,280	164.8	3,373	13.9	58.4%	18.9%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	58.6	3.17%	0.9	12,749	107.7	6,944	8.2	19.5%	17.0%	
BMP	Xây dựng và Vật liệu	175.8	0.63%	0.1	14,301	16.2	14,639	11.9	85.1%	41.2%	
CTD	Xây dựng và Vật liệu	77.1	2.80%	0.9	7,988	96.1	6,245	12.0	48.8%	7.4%	
CTR	Xây dựng và Vật liệu	101.0	-1.56%	0.9	11,736	316.6	5,128	20.0	5.3%	29.3%	
DPG	Xây dựng và Vật liệu	40.9	6.10%	1.0	3,881	69.4	3,037	12.7	5.5%	15.0%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	12.9	-0.39%	1.2	7,059	63.2	1,100	11.7	10.7%	5.2%	
PC1	Xây dựng và Vật liệu	24.2	0.21%	1.2	9,912	155.1	1,377	17.5	13.9%	10.0%	
VCG	Xây dựng và Vật liệu	22.9	1.78%	1.0	14,546	154.2	6,148	3.7	4.6%	44.3%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	46.5	1.97%	1.2	20,445	96.7	3,090	14.8	2.4%	15.8%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Navigator T12.2025: Việt Nam trong chuỗi giá trị AI Hoa Kỳ	x		Click
2	BSC Navigator T11.2025: Quy hoạch Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030	x		Click
3	BSC Navigator T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Click
4	BSC Insight Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Click
5	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
6	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
7	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
8	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
9	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
10	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
11	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
12	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
13	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
14	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
15	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
16	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
17	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
19	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
21	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
22	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
23	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
24	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
25	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
26	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2026 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích - Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 LPB Tower
210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660
Khu vực miền Nam: (028) 38218 889

Website: <http://www.bsc.com.vn>